HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : 57/2006/NQ-HĐND

Buôn Ma Thuột, ngày 14 tháng 12 năm 2006

NGHỊ QUYẾT

Chương trình mục tiêu giảm nghèo tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2006 – 2010

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
KHÓA VII – KỲ HỌP THỨ 7

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2003 ;

Căn cứ Quyết định số 170/2005/QĐ-TTg, ngày 8-7-2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn nghèo áp dụng cho giai đoạn 2006 – 2010 ;

Xét Tờ trình số 115/TTr-UBND, ngày 24 tháng 11 năm 2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị thông qua Chương trình mục tiêu giảm nghèo tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2006 – 2010 ; Báo cáo thẩm tra số 156/BC-HĐND, ngày 08 tháng 12 năm 2006 của Ban Văn hóa – Xã hội của Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến của các vị Đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ :

Điều 1. Hội đồng nhân dân tỉnh tán thành, thông qua Chương trình mục tiêu giảm nghèo tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2006 – 2010 với các nội dung cụ thể như sau :

1. Mục tiêu của Chương trình :

a) Mục tiêu tổng quát :

Góp phần giảm tỷ lệ hộ nghèo từ 27,55% cuối năm 2005 xuống còn dưới 15% vào cuối năm 2010 (trong 5 năm giảm 40.000 hộ nghèo theo chuẩn mới) ; cải thiện đời sống của nhóm hộ nghèo nhằm hạn chế tốc độ gia tăng khoảng cách chênh lệch về thu nhập, mức sống giữa thành thị và nông thôn, giữa dân tộc Kinh và đồng bào dân tộc thiểu số, giữa nhóm hộ giàu và nhóm hộ nghèo.

b) Các chỉ tiêu cần đạt được đến năm 2010 :

- Thu nhập của nhóm hộ nghèo tăng 1,8 lần so với năm 2005.

- Không còn huyện có tỷ lệ hộ nghèo trên 25% ; cơ bản không còn xã có tỷ lệ hộ nghèo trên 40% ; giảm tỷ lệ hộ nghèo là đồng bào dân tộc thiểu số từ 48,26% năm 2005 xuống còn 23,5% so với tổng số hộ đồng bào dân tộc thiểu số (giảm từ 52,35% xuống còn 47% so với tổng số hộ nghèo).

- 100% hộ nghèo có nhu cầu và đủ điều kiện vay vốn được vay vốn ưu đãi tín dụng từ ngân hàng Chính sách xã hội (khoảng 181.000 lượt hộ nghèo).

- 120.000 lượt người nghèo được khuyến nông – khuyến lâm – khuyến ngư, chuyển giao kỹ thuật ; hướng dẫn cách làm ăn.

- 16.000 người nghèo được hỗ trợ đào tạo nghề gắn với việc làm.

- 100% người nghèo, người dân tộc thiểu số, người dân ở các xã đặc biệt khó khăn được cấp thẻ Bảo hiểm y tế miễn phí (khoảng 736.000 người, trong đó người nghèo là 416.000 người) và khi ốm đau được khám chữa bệnh miễn phí (khoảng 877.000 lượt người, trong đó người nghèo là 447.000 lượt người).

- 100% học sinh nghèo được miễn, giảm học phí và các khoản đóng góp xây dựng trường (khoảng 283.000 lượt học sinh).

- 4.450 cán bộ tham gia công tác xóa đói giảm nghèo ở các cấp được tập huấn nâng cao năng lực, trong đó 95% là cán bộ cấp cơ sở.

- 19.060 hộ nghèo được hỗ trợ xóa nhà tạm, bợ ; trong đó nhà ở theo quyết định 134/2004/QĐ-TTg là 15.960 hộ.

2. Các chính sách, dự án và hoạt động của Chương trình :

a) Tạo điều kiện cho người nghèo phát triển sản xuất tăng thu nhập :

- Chính sách tín dụng ưu đãi hộ nghèo.

- Chính sách hỗ trợ đất sản xuất cho hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số.

- Dự án khuyến nông – khuyên lâm – khuyến ngư và hỗ trợ phát triển sản xuất, phát triển ngành nghề.

- Dự án dạy nghề cho người nghèo gắn với giải quyết việc làm.

- Dự án xây dựng và nhân rộng mô hình giảm nghèo.

- Dự án hỗ trợ phát triển kinh tế – xã hội các xã nghèo.

b) Tạo cơ hội để người nghèo tiếp cận các dịch vụ xã hội :

- Chính sách hỗ trợ về y tế cho người nghèo.

- Chính sách hỗ trợ về giáo dục cho người nghèo.

- Chính sách hỗ trợ hộ nghèo về đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt.

c) Nâng cao năng lực và nhận thức :

- Dự án nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác giảm nghèo các cấp.

- Hoạt động truyền thông về giảm nghèo.

- Hoạt động giám sát, đánh giá.

(Chi tiết trong Chương trình mục tiêu giảm nghèo tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2006 – 2010).

3. Nguồn kinh phí thực hiện :

Tổng nguồn vốn là 1.223.364 triệu đồng, trong đó :

- Đề nghị Ngân sách Trung ương hỗ trợ : 562.890 triệu đồng (46,01%)

- Ngân sách địa phương : 122.474 triệu đồng (10,01%).

- Huy động cộng đồng : 23.000 triệu đồng (1,88%)

- Tín dụng : 515.000 triệu đồng (42,10%)

Nguồn tín dụng đã có đến cuối năm 2005 là 209.000 triệu đồng, cần bổ sung là 306.000 triệu đồng.

Trong đó : + Đề nghị vốn Trung ương là : 275.000 triệu đồng

+ Vốn địa phương là : 31.000 triệu đồng

4. Các giải pháp thực hiện Chương trình :

a) Nâng cao nhận thức, năng lực và trách nhiệm :

Tiếp tục nâng cao nhận thức, ý chí quyết tâm vượt nghèo vươn lên làm giàu của chính hộ nghèo, xã nghèo ; quán triệt và thực hiện tốt phương châm "nhân dân tự làm, Nhà nước hỗ trợ, cộng đồng giúp đỡ" ; đẩy mạnh thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giảm nghèo ; nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ tham gia

công tác giảm nghèo ; đề cao trách nhiệm tổ chức thực hiện chương trình của các cấp, các ngành ; tăng cường sự tham gia của người dân và giám sát, đánh giá của các cơ quan dân cử, các tổ chức đoàn thể.

b) Cơ chế thực hiện Chương trình :

- Huy động đa nguồn lực : Ngoài nguồn vốn đề nghị Trung ương hỗ trợ, Ngân sách địa phương (cấp tỉnh, huyện, xã, trừ các xã đặc biệt khó khăn) bố trí ít nhất bằng 1,5% tổng chi ngân sách hàng năm của địa phương ; đồng thời huy động các doanh nghiệp, cộng đồng, cá nhân, vận động tài trợ Quốc tế. Phân bổ nguồn lực ưu tiên cho các địa phương có tỷ lệ hộ nghèo cao, theo số lượng hộ nghèo và hệ số khó khăn của từng địa phương.

- Tạo điều kiện để người dân tham gia vào mọi hoạt động của Chương trình đảm bảo tính công khai, dân chủ và minh bạch.

- Hộ thoát nghèo được tiếp tục hưởng chính sách tín dụng, y tế, giáo dục, khuyến nông – khuyến lâm – khuyến ngư, dạy nghề, trong vòng 2 năm kể từ ngày được công bố thoát nghèo. Xã ra khỏi danh sách xã nghèo sẽ được hỗ trợ tiếp 1 năm bằng 50% mức hỗ trợ cho xã nghèo. Doanh nghiệp tổ chức dạy nghề và tiếp nhận người nghèo vào làm việc ổn định từ 2 năm trở lên thì được trợ giúp một khoản kinh phí bằng mức trợ giúp của Nhà nước cho người nghèo học nghề.

- Tăng cường giám sát và đánh giá trên cơ sở thiết lập hệ thống chỉ tiêu phù hợp ở các cấp. Các địa phương tự giám sát, đánh giá, kết hợp với theo dõi, giám sát đánh giá của Hội đồng nhân dân các cấp, các Sở, ngành, các tổ chức tư vấn và cộng đồng.

c) Kế hoạch hóa việc thực hiện Chương trình :

Các hoạt động về giảm nghèo phải được xây dựng kế hoạch hàng năm từ cấp tỉnh đến cấp xã, gắn với kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội của địa phương. Định kỳ 6 tháng, hàng năm, giai đoạn tổ chức sơ kết, tổng kết và thông báo công khai kết quả thực hiện các hoạt động giảm nghèo đã được phân công theo chức năng.

d) Tổ chức và cán bộ :

- Thành lập Ban chỉ đạo Chương trình ở cả 3 cấp với sự tham gia của các ngành, các tổ chức đoàn thể có liên quan.

- Thành lập Văn phòng điều phối Chương trình giúp Ban chỉ đạo các cấp ; riêng đối với cấp xã bố trí một cán bộ chuyên trách làm công tác giảm nghèo với mức phụ cấp 450.000 đồng/người/tháng (thời gian hưởng phụ cấp được tính từ tháng 01-2007 đến tháng 12-2010).

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng, ban hành cụ thể các nội dung trong Chương trình mục tiêu giảm nghèo tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2006 – 2010 và chỉ đạo các ngành liên quan, các địa phương tổ chức triển khai thực hiện.

Giao cho Thường trực HĐND, các Ban của HĐND và Đại biểu HĐND tỉnh phối hợp giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khóa VII, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14 tháng 12 năm 2006.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

NIÊ THUẬT